

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **35/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 28/8/2019

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG - BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàn Kiếm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Nam Tiến
- Bà Trần Thị Hà

Thư ký phiên tòa: Ông Hán Tấn Tiến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Lư Ngọc Quý, Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 101/2019/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 3 năm 2019 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXX-HNGĐ, ngày 08 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim N, sinh năm 1968

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Như B, sinh năm 1964

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 04 tháng 3 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Kim N trình bày: Bà và ông Trần

Như B xác lập quan hệ vợ chồng năm 1989 trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu yêu thương nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

Cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc một thời gian. Trong quá trình chung sống, ông B thường xuyên ăn nhậu bê tha, ông B hay kiếm chuyện gây gổ với bà, đánh đập bà nhiều lần, nhưng vì con cái nên bà bỏ qua. Đầu năm 2017, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, xung đột trầm trọng hơn. Vợ chồng hay bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp nhau nên thường xuyên cãi vã. Ông B có lần đánh bà gây thương tích phải điều trị tại Bệnh viện huyện Tuy Phong. Ông B sống không có trách nhiệm với gia đình, không chăm lo làm ăn kinh tế, chỉ lo cho bản thân. Từ đó, tình cảm vợ chồng không còn, dù còn sống chung trong một nhà nhưng không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau nữa.

Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích, không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông B.

Về con chung: Bà và ông B có 02 con chung tên Trần Như Đa C, sinh năm 1990 và Trần Như Thảo V, sinh năm 1995; Các con bà đã đủ 18 tuổi và tự lo được cho bản thân nên bà không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Trần Như B trình bày: Ông và bà Phạm Thị Kim N xác lập quan hệ vợ chồng năm 1989 trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

Những mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng như lời trình bày trong đơn của bà N là đúng nhưng ông không đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng vẫn còn.

Về con chung: Ông và bà N có 2 con chung tên Trần Như Đa C, sinh năm 1990 và Trần Như Thảo V, sinh năm 1995; Các con ông đều đã đủ 18 tuổi và tự lo được cho bản thân nên ông không đặt ra vấn đề về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: về hôn nhân, bà N được ly hôn ông B; về tài sản và nghĩa vụ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Thị Kim N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông Trần Như B; các con chung giữa bà và ông B đã trưởng thành nên không đặt vấn đề cấp dưỡng; tài sản và nghĩa vụ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đây là vụ kiện “Ly hôn” quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Tuy Phong theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về pháp luật được áp dụng để giải quyết: Bà Phạm Thị Kim N và ông Trần Như B xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tình yêu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại giấy chứng nhận kết hôn số 545, ngày 06 tháng 5 năm 1989 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận nên là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, căn cứ vào Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

3. Về yêu cầu khởi kiện của bà N: Bà N yêu cầu được ly hôn ông B vì ông B thường xuyên ăn nhậu, hay kiêu chuyệ gây gổ, đánh đập bà, bất đồng quan điểm sống; Bản thân ông B cũng thừa nhận có mâu thuẫn như lời trình bày của bà N; Một số vấn đề về mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông B phù hợp với nội dung xác minh được tại khu phố nơi ông bà sinh sống và người thân của ông bà, điều đó thể hiện ông B đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông B theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Ông B và bà N có 2 con chung tên Trần Như Đa C, sinh năm 1990 và Trần Như Thảo V, sinh năm 1995; Các con của ông bà đều đã đủ 18 tuổi và tự lo được cho bản thân, các bên đương sự không ai đặt ra vấn đề về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản và nghĩa vụ chung: Các đương sự không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí nên không hoàn lại cho bà tiền tạm ứng phí

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 146, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Kim N đối với ông Trần Như B; bà Phạm Thị Kim N được ly hôn ông Trần Như B.

Về con chung: Ông B và bà N có 2 con chung tên Trần Như Đa C, sinh năm 1990 và Trần Như Thảo V, sinh năm 1995; Các con của ông B và bà N đều đã đủ 18 tuổi, tự lo được cho bản thân nên không đặt ra vấn đề về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nghĩa vụ chung: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, Bà N đã tạm nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0025917, ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, nên không hoàn lại cho bà tiền tạm ứng án phí

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS ND (Tỉnh + Huyện);
- Tòa án ND Tỉnh BT;
- Các đương sự;
- THA Huyện;
- UBND thị trấn Liên Hương;
- Lưu HS.

Hồ Hoàn Kiếm